

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

Số: 2100/SBH-TCKT

V/v công bố Báo cáo tài chính giữa niên
độ đã được soát xét năm 2025 và giải
trình chênh lệch lợi nhuận

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
2. Mã chứng khoán: SBH
3. Địa chỉ trụ sở chính: 498 Đại Lộ Hùng Vương-Phường Tuy Hòa-tỉnh Đắk Lắk.
4. Điện thoại: 0257.3811.456 Fax: 0257.3811.455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Đức Phú - Tổng Giám đốc Công ty
6. Nội dung thông tin công bố: Công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2025 và giải trình chênh lệch lợi nhuận.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/8/2025 tại đường dẫn <http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> hoặc <http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /.

(*) Tài liệu đính kèm gồm:

- Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2025.
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- HĐQT (b/c);
- BKS (để biết);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Phú

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

Số: 2096/SBH-TCKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2025

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế 06 tháng đầu năm 2025 so
với 06 tháng đầu năm 2024

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH) kính giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2025 so với 06 tháng đầu năm 2024, cụ thể như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sáu tháng đầu năm 2025 so với sáu tháng đầu năm 2024 thay đổi từ 10% trở lên:

Chỉ tiêu	ĐVT	06 tháng năm 2024	06 tháng năm 2025	Tăng (Giảm)	Tỷ lệ %
I. Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	154,25	209,37	55,12	35,73
II. Tổng Chi phí	Tỷ đồng	161,21	106,13	-55,08	-34,17
Trong đó:					
1. Hoạt động sản xuất điện					
Sản lượng điện	Tr.Kwh	105,14	159,79	54,66	51,99
Doanh thu SX điện	Tỷ đồng	140,04	194,44	54,40	38,85
Chi phí SX điện	Tỷ đồng	161,20	106,13	-55,07	-34,16
Lợi nhuận SX điện	Tỷ đồng	-21,16	88,31	109,47	-517,34
2. Hoạt động tài chính					
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	13,80	14,59	0,79	5,72
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	-	-	-	-
Lợi nhuận	Tỷ đồng	13,80	14,59	0,79	5,72
3. Hoạt động khác					
Doanh thu khác	Tỷ đồng	0,41	0,34	-0,07	-17,07
Chi phí khác	Tỷ đồng	0,01	-	-0,01	-100,00
Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,40	0,34	-0,06	-15,00
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,96	103,24	110,20	1.583,33
5. Thuế TNDN	Tỷ đồng	0,00	20,82	20,82	-
6. Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-6,96	82,42	89,38	1.284,20

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng năm 2025 tăng 1.284,20% so với cùng kỳ năm 2024, nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Do sản lượng điện thương phẩm 06 tháng đầu năm 2025 tăng 54,66 triệu kWh tương đương tăng 51,99% so với cùng kỳ năm 2024 dẫn đến doanh thu sản xuất điện năm 2025 tăng 54,4 tỷ đồng tương đương tăng 38,85% so với cùng kỳ năm 2024.

- Tổng chi phí 06 tháng đầu năm 2025 giảm 55,08 tỷ đồng tương đương giảm 34,17% so với cùng kỳ năm 2024 chủ yếu do một số Tài sản cố định hết khấu hao từ 06 tháng cuối năm 2024.

2. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chuyển từ lỗ ở báo cáo 06 tháng đầu năm 2024 sang lãi ở 06 tháng đầu năm 2025:

Chỉ tiêu	LNST 06 tháng đầu năm 2025 (tỷ đồng)	LNST 06 tháng đầu năm 2024 (tỷ đồng)	Tăng/giảm	Tỷ lệ %
LNST thu nhập doanh nghiệp	82,42	-6,96	89,38	1.284,2

Do doanh thu 06 tháng đầu năm 2024 đạt 154,25 tỷ đồng với mức sản lượng điện thương phẩm là 105,14 triệu kwh, tổng chi phí là 161,21 tỷ đồng.

Do doanh thu 06 tháng đầu năm 2025 đạt 209,37 tỷ đồng với mức sản lượng điện thương phẩm là 159,79 triệu kwh, tổng chi phí là 106,13 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ kính báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông biết.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (b/cáo);
- BKS (để biết);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Phú

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ thực hiện công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

- Mã chứng khoán: SBH

- Địa chỉ: 498 Đại lộ Hùng Vương-Phường Tuy Hòa-tỉnh Đắk Lắk.

- Điện thoại liên hệ: 0257.3811456

- Email: thuthanhsbh@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ đã được soát xét năm 2025.

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 13/8/2025 tại đường dẫn: <http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> hoặc <http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2025.
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/6/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hữu Phúc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/3/2025
Ông Nguyễn Anh Vũ	Quyền Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 01/12/2024 đến ngày 22/3/2025
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên	
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên độc lập	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Phú	Thành viên	
Ông Ngô Minh Quân	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Tạ Thị Kim Hạnh	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 22/5/2025
Ông Ngô Đức Thắng	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 22/5/2025
Ông Ngô Đức Thắng	Thành viên chuyên trách	Bổ nhiệm ngày 22/5/2025
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Thành viên	
Bà Dương Kim Ngân	Thành viên	
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	Thành viên	Từ nhiệm ngày 08/5/2025

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Vũ Hữu Phúc	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/3/2025
Ông Nguyễn Đức Phú	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/7/2025
Ông Nguyễn Đức Phú	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/3/2025 đến ngày 07/7/2025
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Đoàn Thị Mỹ Đông.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Phú

Tổng Giám đốc

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Số: 868/2025/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**
*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025*

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 11 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/6/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.100.716.507.196	1.078.469.494.522
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.397.495.866	6.935.299.208
Tiền	111		9.397.495.866	6.935.299.208
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		876.000.000.000	761.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	876.000.000.000	761.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		205.686.250.551	302.328.669.124
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	180.393.314.658	292.883.406.348
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.084.315.657	1.211.192.488
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	19.208.620.236	8.234.070.288
Hàng tồn kho	140	10	8.942.641.835	7.042.374.845
Hàng tồn kho	141		8.942.641.835	7.042.374.845
Tài sản ngắn hạn khác	150		690.118.944	1.163.151.345
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	644.464.562	1.163.151.345
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	45.654.382	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		661.530.501.339	702.715.106.735
Tài sản cố định	220		639.980.624.816	680.791.221.802
Tài sản cố định hữu hình	221	12	635.864.320.921	676.435.750.587
- Nguyên giá	222		4.307.511.513.747	4.307.462.200.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.671.647.192.826)	(3.631.026.450.160)
Tài sản cố định vô hình	227	13	4.116.303.895	4.355.471.215
- Nguyên giá	228		6.776.510.046	6.776.510.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.660.206.151)	(2.421.038.831)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.738.210.572	6.738.210.572
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	6.738.210.572	6.738.210.572
Tài sản dài hạn khác	260		14.811.665.951	15.185.674.361
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.523.551.313	1.897.559.723
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		13.288.114.638	13.288.114.638
TỔNG TÀI SẢN	270		1.762.247.008.535	1.781.184.601.257

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/6/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		37.251.262.385	133.119.425.809
Nợ ngắn hạn	310		37.251.262.385	133.119.425.809
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.045.762.552	28.784.390.730
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	16.312.754.492	21.849.816.033
Phải trả người lao động	314		1.321.382.488	6.037.864.581
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	5.297.701.248	70.579.053.969
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.273.661.605	5.868.300.496
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.724.995.746.150	1.648.065.175.448
Vốn chủ sở hữu	410	17	1.724.995.746.150	1.648.065.175.448
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		48.000.000.000	48.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		228.104.989.760	146.199.981.940
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		206.640.756.390	211.615.193.508
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		124.225.000.000	176.767.634
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		82.415.756.390	211.438.425.874
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.762.247.008.535	1.781.184.601.257

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Đặng Thị Lan

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mỹ Đông

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	194.441.773.900	140.038.020.214
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		194.441.773.900	140.038.020.214
Giá vốn hàng bán	11	19	84.729.269.572	137.883.600.567
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		109.712.504.328	2.154.419.647
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	14.590.443.552	13.804.590.605
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	21.402.292.902	23.313.904.555
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.900.654.978	(7.354.894.303)
Thu nhập khác	31	22	338.317.449	409.651.596
Chi phí khác	32		-	17.660.000
Lợi nhuận khác	40		338.317.449	391.991.596
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		103.238.972.427	(6.962.902.707)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	20.823.216.037	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		82.415.756.390	(6.962.902.707)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	663	(56)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	663	(56)

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Đặng Thị Lan

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mỹ Đông

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		103.238.972.427	(6.962.902.707)
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		40.834.677.494	102.971.916.957
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(14.590.443.552)	(13.804.590.605)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		129.483.206.369	82.204.423.645
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		106.795.754.144	102.635.141.229
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.900.266.990)	(2.691.722.631)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(38.554.378.235)	(49.896.392.509)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		892.695.193	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.581.095.154)	(26.739.021.921)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		64.774.939	439.651.596
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.106.848.545)	(5.036.090.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		175.093.841.721	100.915.989.409
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(49.313.000)	(6.271.550.400)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(401.000.000.000)	(379.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		286.000.000.000	355.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.391.453.599	17.047.187.866
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(110.657.859.401)	(13.224.362.534)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(61.973.785.662)	(253.655.479.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(61.973.785.662)	(253.655.479.864)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.462.196.658	(165.963.852.989)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	6.935.299.208	228.964.765.565
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	9.397.495.866	63.000.912.576

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Đặng Thị Lan

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mỹ Đông

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 4400415302 do Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk (Trước đây gọi là sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên) cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 498, Đại lộ Hùng Vương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/6/2025 là 1.242.250.000.000 đồng chia thành 124.225.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Phát điện 2-CTCP góp 767.409.310.000 đồng, chiếm tỷ lệ 61,78%, Công ty TNHH Năng lượng REE góp 320.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 25,76%, các cổ đông khác góp 154.840.690.000 đồng, chiếm tỷ lệ 12,46%.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 07 tháng 6 năm 2018 với mã chứng khoán SBH.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là sản xuất điện.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

1.6 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2025 là 105 người (tại ngày 31/12/2024 là 106 người).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	03 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 10

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

3.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.13 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, danh sách cổ đông được chốt chính thức và được UBCK chấp thuận.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận chỉ số tiêu thụ của khách hàng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT được ghi nhận tại thời điểm phát hành hóa đơn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0402081656, thay đổi lần thứ 1 ngày 10/10/2016. Theo đó, điều kiện Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN là thu nhập từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2010 đến năm 2013), giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022). Mức thuế suất ưu đãi là 10% trong thời gian 15 năm.

Năm 2025, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải nộp là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là bán điện, các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	95.181.319	1.103.231.885
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.302.314.547	5.832.067.323
Cộng	9.397.495.866	6.935.299.208

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	644.464.562	1.163.151.345
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	644.464.562	1.163.151.345
b) Dài hạn	1.523.551.313	1.897.559.723
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.523.551.313	1.897.559.723
Cộng	2.168.015.875	3.060.711.068

THIỆT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

30/6/2025		01/01/2025	
Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
876.000.000.000	876.000.000.000	761.000.000.000	761.000.000.000
876.000.000.000	876.000.000.000	761.000.000.000	761.000.000.000
-	-	-	-
876.000.000.000	876.000.000.000	761.000.000.000	761.000.000.000

Ngân hạn
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)

Dài hạn

Công

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,5%/năm.

7. **PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

30/6/2025		01/01/2025	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
180.393.314.658	-	292.883.406.348	-
180.393.314.658	-	292.883.406.348	-
-	-	-	-
180.393.314.658	-	292.883.406.348	-

a) Ngắn hạn

- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam

b) Dai han

Công

Phải thu các bên liên quan: Chi tiết tại Thuyết minh số 27.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	6.084.315.657	-	1.211.192.488	-
- Công ty Cổ phần Bảo Trì Năng Lượng	-	-	1.007.454.888	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Giải pháp S5T Việt Nam	698.750.800	-	187.237.600	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hải Âu	2.055.782.093	-	-	-
- Công ty TNHH kỹ thuật và thiết bị TB Hydro Việt Nam	1.182.105.800	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ & Thương mại Song Quỳnh	682.106.400	-	-	-
- Công ty TNHH Vật tư và Thiết bị Nam Hải	509.030.332	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	956.540.232	-	16.500.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.084.315.657	-	1.211.192.488	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH GIA NHÂN ĐỘ (C),
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. PHẢI THU KHÁC

30/6/2025		01/01/2025	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
19.208.620.236	-	8.234.070.288	-
1.059.800.000	-	170.100.000	-
41.153.569	-	155.293.574	-
18.107.666.667	-	7.908.676.714	-
-	-	-	-
19.208.620.236	-	8.234.070.288	-

10. HÀNG TỒN KHO

30/6/2025		01/01/2025	
Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
7.941.602.421	-	6.137.774.081	-
1.001.039.414	-	904.600.764	-
8.942.641.835	-	7.042.374.845	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	6.738.210.572	6.738.210.572
- Công trình xây dựng trụ sở công ty tại đường Hùng Vương	187.576.729	187.576.729
- Dự án khác	6.550.633.843	6.550.633.843
Cộng	6.738.210.572	6.738.210.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	2.790.618.860.239	1.432.300.189.623	10.900.834.881	73.642.316.004	4.307.462.200.747
- Mua trong kỳ	49.313.000	-	-	-	49.313.000
30/6/2025	2.790.668.173.239	1.432.300.189.623	10.900.834.881	73.642.316.004	4.307.511.513.747
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(2.155.886.439.575)	(1.431.523.784.015)	(3.814.827.715)	(39.801.398.855)	(3.631.026.450.160)
- Khấu hao trong kỳ	(32.628.495.782)	(42.349.404)	(531.481.530)	(7.418.415.950)	(40.620.742.666)
30/6/2025	(2.188.514.935.357)	(1.431.566.133.419)	(4.346.309.245)	(47.219.814.805)	(3.671.647.192.826)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	634.732.420.664	776.405.608	7.086.007.166	33.840.917.149	676.435.750.587
30/6/2025	602.153.237.882	734.056.204	6.554.525.636	26.422.501.199	635.864.320.921

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 2.457.503.754.258 đồng, tại ngày 01/01/2025 là 2.451.484.435.304 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	4.500.000.000	2.276.510.046	6.776.510.046
30/6/2025	4.500.000.000	2.276.510.046	6.776.510.046
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2025	(742.500.000)	(1.678.538.831)	(2.421.038.831)
- Khấu hao trong kỳ	(45.000.000)	(194.167.320)	(239.167.320)
30/6/2025	(787.500.000)	(1.872.706.151)	(2.660.206.151)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	3.757.500.000	597.971.215	4.355.471.215
30/6/2025	3.712.500.000	403.803.895	4.116.303.895

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 680.816.448 đồng tại ngày 01/01/2025 là 680.816.448 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.045.762.552	8.045.762.552	28.784.390.730	28.784.390.730
- Công ty Cổ phần Lâm Đặc sản Phú Yên	-	-	7.737.226.995	7.737.226.995
- Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Ngọc Bảo	2.595.177.483	2.595.177.483	2.595.177.483	2.595.177.483
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.773.778.440	3.773.778.440	2.347.536.706	2.347.536.706
- Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ & Thương mại Song Quỳnh	-	-	2.174.833.152	2.174.833.152
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phú Gia	-	-	1.829.217.600	1.829.217.600
- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 1	-	-	1.778.902.582	1.778.902.582
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Minh Đạt	-	-	1.614.450.603	1.614.450.603
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	-	1.274.211.131	1.274.211.131
- Công ty TNHH Vật tư và Thiết bị Nam Hải	1.257.392.208	1.257.392.208	1.120.848.468	1.120.848.468
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật T&H	419.414.421	419.414.421	869.950.000	869.950.000
- Các nhà cung cấp khác	-	-	5.442.036.010	5.442.036.010
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.045.762.552	8.045.762.552	28.784.390.730	28.784.390.730

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 27.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm		30/6/2025
		VND	VND	VND	VND	
Thuế và các khoản phải nộp	4.270.087.632	16.694.295.094	20.362.521.528	601.861.198		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.717.343.450	20.823.216.037	16.581.095.154	7.959.464.333		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.274.097	315.131.984	330.406.081	-		
- Thuế thu nhập cá nhân	6.893.365.974	17.182.192.954	19.152.534.047	4.923.024.881		
- Thuế tài nguyên	6.953.744.880	9.978.525.676	14.103.866.476	2.828.404.080		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	21.849.816.033	64.993.361.745	70.530.423.286	16.312.754.492		
Cộng						

01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	30/6/2025
VND	VND	VND	VND

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập cá nhân

Cộng

-	-	45.654.382	45.654.382
-	-	45.654.382	45.654.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.297.701.248	70.579.053.969
- Kinh phí công đoàn	-	30.318.629
- Bảo hiểm xã hội	-	379.922.678
- Bảo hiểm y tế	-	68.216.915
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	30.318.628
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	104.830.207	63.830.207
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.192.871.041	70.006.446.912
+ Cổ tức phải trả	1.234.306.113	63.230.789.175
+ Thuế GTGT phải trả	3.941.569.928	6.749.962.737
+ Phải trả ngắn hạn khác	16.995.000	25.695.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.297.701.248	70.579.053.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND	
01/01/2024	1.242.250.000.000	48.000.000.000	-	127.436	822.140.333.888	2.112.390.461.324	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	273.550.925.874	273.550.925.874	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	146.199.854.504	(884.076.066.254)	(737.876.211.750)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	146.199.854.504	(146.199.854.504)	-	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(14.265.586.750)	(14.265.586.750)	
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	(723.610.625.000)	(723.610.625.000)	
31/12/2024	1.242.250.000.000	48.000.000.000	-	146.199.981.940	211.615.193.508	1.648.065.175.448	
01/01/2025	1.242.250.000.000	48.000.000.000	-	146.199.981.940	211.615.193.508	1.648.065.175.448	
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	82.415.756.390	82.415.756.390	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	81.905.007.820	(87.390.193.508)	(5.485.185.688)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	81.905.007.820	(81.905.007.820)	-	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(5.485.185.688)	(5.485.185.688)	
30/6/2025	1.242.250.000.000	48.000.000.000	-	228.104.989.760	206.640.756.390	1.724.995.746.150	

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 1242/NQ-SBH ngày 22/5/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP	767.409.310.000	767.409.310.000
- Công ty TNHH Năng lượng REE	320.000.000.000	320.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	154.840.690.000	154.840.690.000
Cộng	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	62.112.500.000	661.498.125.000

17.4 CỔ PHIẾU

	30/6/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	124.225.000	124.225.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	124.225.000	124.225.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	124.225.000	124.225.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.225.000	124.225.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	124.225.000	124.225.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

17.5 CỔ TỨC

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm	186.337.500.000	62.112.500.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	186.337.500.000	62.112.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.6 CÁC QUỸ

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	228.104.989.760	146.199.981.940

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
- Doanh thu bán điện	194.441.773.900	140.038.020.214
Cộng	194.441.773.900	140.038.020.214

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 27.1

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
- Giá vốn bán điện	84.729.269.572	137.883.600.567
Cộng	84.729.269.572	137.883.600.567

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	14.590.443.552	13.804.590.605
Cộng	14.590.443.552	13.804.590.605

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	7.998.245.697	6.911.994.897
- Chi phí vật liệu quản lý	-	363.025.223
- Chi phí đồ dùng văn phòng	826.463.863	-
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	978.014.868	161.337.186
- Thuế, phí và lệ phí	116.177.272	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.605.447.450	1.594.876.404
- Chi phí bằng tiền khác	8.877.943.752	14.282.670.845
Cộng	21.402.292.902	23.313.904.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

22. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
- Tiền phạt hợp đồng	338.317.449	-
- Các khoản khác	-	409.651.596
Cộng	338.317.449	409.651.596

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	865.109.157	512.447.126
- Chi phí nhân công	13.463.806.932	13.935.489.036
- Khấu hao tài sản cố định	40.834.677.494	102.923.076.957
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	27.157.718.630	17.347.630.587
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.637.438.268	4.378.597.299
- Chi phí sửa chữa lớn	(115.490.909)	-
- Chi phí khác	18.288.302.902	22.100.264.117
Cộng	106.131.562.474	161.197.505.122

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.238.972.427	(6.962.902.707)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	877.107.761	-
- Chi phí không được trừ	877.107.761	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	104.116.080.188	(6.962.902.707)
<i>Thu nhập tính thuế ở mức ưu đãi thuế suất</i>	-	-
<i>Thu nhập tính thuế suất thông thường</i>	104.116.080.188	-
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Thuế suất đối với lợi nhuận từ hoạt động khác	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	20.823.216.037	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.823.216.037	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

25.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	82.415.756.390	(6.962.902.707)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	124.225.000	124.225.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	663	(56)

25.2 LỢI NHUẬN THUẬN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	82.415.756.390	(6.962.902.707)

25.3 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN ĐANG LƯU HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	124.225.000	124.225.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	-	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	124.225.000	124.225.000

26 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
- Tổng Công ty Phát điện 2 – CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	Công ty trong Tập đoàn
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty trong Tập đoàn
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong Tập đoàn
- Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	180.393.314.658	292.883.406.348
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4	170.000.000	1.274.211.131
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3	-	1.274.211.131
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	-	1.778.902.582
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.773.778.440	2.347.536.706
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	447.000.000
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	350.092.998
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	-	40.945.950
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	-	3.402.000
	Từ 01/01/2025	Từ 01/01/2024
	đến 30/6/2025	đến 30/6/2024
	VND	VND
Doanh thu mua bán điện	194.441.773.900	140.038.020.214
Công ty Mua bán điện-Tập đoàn Điện lực Việt Nam	194.441.773.900	140.038.020.214
Mua dịch vụ	1.642.553.772	2.581.749.004
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3	-	1.140.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.320.594.198	957.728.559
Công ty Điện lực Phú Yên - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	321.959.574	484.020.445
Chia cổ tức		654.873.457.575
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	-	408.645.457.575
Công ty TNHH Năng lượng REE	-	170.400.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	47.712.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	21.300.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	-	6.816.000.000
Trả cổ tức	61.490.465.500	654.873.457.575
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	38.370.465.500	408.645.457.575
Công ty TNHH Năng lượng REE	16.000.000.000	170.400.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	4.480.000.000	47.712.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.000.000.000	21.300.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	640.000.000	6.816.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên hưởng trong kỳ như sau

	Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Hội đồng quản trị		565.105.486	335.673.600
Ông Vũ Hữu Phúc	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 22/3/2025, Miễn nhiệm Tổng giám đốc ngày 22/3/2025)	346.591.705	198.393.600
Ông Nguyễn Anh Vũ	Quyền Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 01/12/2024 đến 22/03/2025)	55.806.177	38.400.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	55.591.770	40.800.000
Ông Ngô Minh Quân	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/4/2024)	51.524.064	17.280.000
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên độc lập	55.591.770	40.800.000
Ban Tổng Giám đốc		616.408.900	351.633.600
Ông Nguyễn Đức Phú	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 07/7/2025, Bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 22/3/2025 đến 07/7/2025)	308.204.450	175.816.800
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc	308.204.450	175.816.800
Ban Kiểm soát		698.030.117	431.554.924
Bà Tạ Thị Kim Hạnh	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 22/5/2025)	172.726.154	110.814.124
Ông Ngô Đức Thăng	Thành viên chuyên trách (Bổ nhiệm từ ngày 22/5/2025, Miễn nhiệm Trưởng ban từ ngày 22/5/2025)	320.604.620	183.460.800
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Thành viên	55.591.770	40.800.000
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	Thành viên (Từ nhiệm ngày 08/5/2025)	37.924.033	17.280.000
Bà Dương Kim Ngân	Thành viên	55.591.770	38.400.000
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên	55.591.770	40.800.000
Người quản lý khác		282.217.765	160.528.000
Bà Đoàn Thị Mỹ Đông	Kế toán trưởng	282.217.765	160.528.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty đã được soát xét.

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Đặng Thị Lan

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mỹ Đông

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Phú

